

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-10-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Ông Phạm Khoa Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Yên Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Hồng T trình bày:

Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/01/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cho đến nay thì không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 ham chơi, không lo làm ăn, làm được bao nhiêu thì tiêu bấy nhiêu, không phụ giúp gia đình mà còn gây nợ nần. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ để anh T1 lo làm ăn, cùng chị chăm lo cho gia đình và con cái nhưng anh T1 vẫn mặc kệ, không có sự thay đổi. Do đó, chị T cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 29/10/2004 và Nguyễn Phi T3, sinh ngày 26/3/2007. Từ lâu nay chi phí sinh

hoạt gia đình và học tập của con cái là do chị T lo liệu và với thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng từ công việc phân loại điều, chị T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng khi giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Lê Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Nguyễn Ngọc T1, đồng thời bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước) vào ngày 05/01/2004, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng khiến cuộc sống vợ chồng chị T và anh T1 không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc và không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau nên mục đích hôn nhân của chị T và anh T1 không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T đề nghị giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 29/10/2004 và Nguyễn Phi T3, sinh ngày 26/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì với thu nhập hiện tại của chị sẽ đảm bảo được các quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung. Xét đề nghị trên của chị T phù hợp với thực tế hiện nay, phù hợp với nguyện vọng của con chung và không trái quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng

xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T3 vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Lê Hồng T ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Kim T2 – sinh ngày 29/10/2004 và cháu Nguyễn Phi T3 – sinh ngày 26/3/2007 cho chị Lê Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lê Hồng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai T2 tiền số 0007xxx ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (05/10/2021); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND phường B,
- (Số 151, ngày 05/01/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt